

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25 /2019/HS-ST

Ngày 09 - 5 - 2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Trung Tuyển

Ông Đỗ Trọng Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Hồng Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Đăng Hiệp - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24 /2019/TLST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2019;

Đối với bị cáo: **Trịnh Đình Đ**, sinh ngày 10 tháng 4 năm 1992 tại: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Đình T và bà Lê Thị T (Đã chết); vợ: Phạm Thị D, sinh năm 1990; con: 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 24/02/2012 bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương xử phạt 18 tháng tù về tội: “ Cướp giật tài sản” và 12 tháng tù về tội: “ cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 123 và khoản 1 Điều 135 BLHS năm 1999. tổng hợp của cả hai tội là 30 tháng tù, đến ngày 31/8/2013 Đ đã chấp hành xong toàn bộ hình phạt và án phí. bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2019 đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Phạm Thị D, sinh năm 1990

Nơi cư trú: thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2. Anh Vũ Anh T, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

- *Người làm chứng:*

1. Anh Lê Đình T; sinh năm 1976

Nơi cư trú: Thôn 13, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- 2. Anh Nguyễn Tiến Q; sinh năm 1977

Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện T, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 17/01/2019 Lê Đình T, sinh năm 1976 ở thị trấn S, huyện T và Nguyễn Tiến Q, sinh năm 1977 ở xã X, huyện T đi đến trung tâm y tế dự phòng huyện T để uống thuốc Methanon. Sau khi uống thuốc xong thì T rủ Q đi tới xã T, huyện T gặp Trịnh Đình Đ mua ma túy để sử dụng thì Q đồng ý. T và Q thuê xe ôm xuống xã T, khi đi đến nhà canh đê thuộc thôn 5, xã X thì T và Q xuống xe, T lấy điện thoại di động gọi cho Đ hỏi mua 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) Hê rô in thì Đ đồng ý và hẹn T cứ đứng ở nhà canh Đê. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày thì Đ đi đến nhà canh đê nơi đã hẹn T, khi gặp nhau Đ đưa cho T một gói nhỏ ma túy, sau khi nhận ma túy từ tay Đ thì T cất ma túy vào túi áo khoác đang mặc, đồng thời T lấy trong túi quần ra 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) đưa cho Đ để trả tiền mua ma túy thì bị tổ công tác phòng chống tội phạm về ma túy, Công an huyện T bắt quả tang. Tang vật thu giữ tại chỗ gồm: Thu trong túi áo khoác T đang mặc 01 (Một) gói nhỏ chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn, thu giữ trong người Trịnh Đình Đ 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Quá trình bắt giữ kiểm tra trên người Đ lực lượng công an còn phát hiện và thu giữ trong túi quần bên phải Đ đang mặc 05 (Năm) gói nhỏ chất bột màu trắng, dạng cục vụn. Lực lượng Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong 01 (Một) gói nhỏ thu trong người Lê Đình T trong phong bì thư dán kín có ký hiệu là M, niêm phong 05 (Năm) gói nhỏ thu trong người Trịnh Đình Đ trong phong bì thư dán kín có ký hiệu M1. Ngoài ra còn thu giữ của Trịnh Đình Đ 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), 02 (Hai) điện thoại di động và một chiếc xe mô tô đã qua sử dụng. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trịnh Đình Đức ở thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nhưng không phát hiện hoặc thu giữ đồ vật có liên quan. Quá trình điều tra Trịnh Đình Đ, Lê Đình T và Nguyễn Tiến Q đều khai nhận: Một gói nhỏ chất bột trắng ngà thu giữ trong người T là ma túy, T vừa mua của Đ và số tiền 200.000đ thu trong người Đ là tiền Đ vừa bán ma túy cho T, thì bị bắt; 05 gói nhỏ chất bột trắng ngà thu trong người Đ cũng là ma túy, Đ tàng trữ trong người để sử dụng, nếu có ai mua thì bán kiếm lời.

Cơ quan Cảnh sát điều tra điều tra Công an huyện T đã trưng cầu giám định đối với 06 (Sáu) gói nhỏ, bên trong có chứa chất bột màu trắng ngà, dạng cục thu giữ trên người Lê Đình T và Trịnh Đình Đ. Tại bản kết luận giám định số 432/ MT-PC09 ngày 21/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh T kết luận: 01 (Một) gói nhỏ thu giữ trên người Lê Đình T niêm phong dán kín trong phong bì thư ký hiệu M có trọng lượng 0,011g (Không thấy không mùi một gam); 05 (Năm) gói nhỏ thu trong người Trịnh Đình Đ, niêm phong trong phong bì thư dán kín ký

hiệu M1 có trọng lượng 0,285g (Không phẩy hai tám năm gam). Kết luận giám định, tất cả 06 (Sáu) gói nhỏ thu giữ trên người Lê Đình T và Trịnh Đình Đ là **loại Hê rô in**.

Trong vụ án này, Trịnh Đình Đ khai nhận, nguồn gốc 05 (Năm) gói ma túy Đ tàng trữ trong người và 01 (Một) gói ma túy Đ bán cho T bị bắt là do Đ mua của một người đàn ông lạ mặt vào vào ngày 15/01/2019 ở thị trấn Giắt, huyện T với giá 1.000.000đ (Một triệu đồng). Quá trình điều tra không chứng minh được người bán ma túy cho Đ là ai nên không xử lý được. Nguyễn Tiến Q và Lê Đình T đã có hành vi mua của Trịnh Đình Đ 01 (Một) gói nhỏ chất bột màu trắng ngà có trọng lượng 0,011 (Không phẩy mười một gam), là loại Hê rô in nhằm mục đích sử dụng, chưa đủ định lượng để xử lý hình sự, nên cơ quan điều tra xử lý hành chính đối với T và Q là chính xác.

Tài sản thu giữ trong vụ án là 01 xe mô tô hiệu Drem II, biển kiểm soát 36F9-4873 và một điện thoại di động hiệu Sam Sung màu vàng đã qua sử dụng, quá trình điều tra chứng minh các tài sản trên không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là chính xác. Vật chứng của vụ án là: Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng); 0,238g (Không phẩy hai ba tám gam) chất bột màu trắng ngà dạng cục còn lại sau giám định, là loại Hê rô in và 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia màu sơn đen đã qua sử dụng, được thu giữ, hiện đang quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trịnh Đình Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 251; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trịnh Đình Đ từ 33 tháng đến 36 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/01/2019; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đ; Về vật chứng đề nghị: Tịch thu, tiêu hủy 0,238g (không phẩy hai ba tám) heroin (mẫu vật còn lại sau giám định); Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền 200.000 đồng và 01 (một) điện thoại di động hiệu NoKia màu sơn đen đã qua sử dụng; Về án phí: buộc bị cáo phải chi án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo nhận tội và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết luận giám định, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 10h 30 phút sáng ngày 17/01/2019 Trịnh Đình Đ đã có hành vi bán trái phép cho Lê Đình T 0,011 gam heroine; Tiến hành kiểm tra còn phát hiện và thu giữ của Trịnh Đình Đ 0,285 gam heroine. Như vậy bị cáo Trịnh Đình Đ phải chịu trách nhiệm với tổng trọng lượng chất heroine là 0,296 gam; toàn bộ số heroine trên bị cáo Đ mua nhằm mục đích để sử dụng cá nhân và bán kiếm lời. Bị cáo Đ là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi do cố ý. Do đó, hành vi của bị cáo Trịnh Đình Đ đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Tính chất vụ án là nghiêm trọng; Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây nên tâm lý hoang mang, bất bình trong nhân dân. Ma túy không những làm hủy hoại đến sức khỏe, làm mất khả năng lao động, học tập... ; mà còn là điều kiện nảy sinh, lan truyền đại dịch HIV/AIDS (một hiểm họa toàn cầu chưa có thuốc chữa). Tội phạm về ma túy là nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm khác, đã và đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế, xã hội và an ninh trật tự. Vì vậy cần phải xử lý vụ án nghiêm minh mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về nhân thân: Bị cáo Trịnh Đình Đ đang ở độ tuổi lao động, nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện làm ăn chân chính mà sống buông thả, chơi bời, đua đòi, thích hưởng thụ dẫn đến phạm tội; bị cáo đã 01 lần bị Tòa án kết án, mặc dù đã được xóa án tích nhưng thể hiện bị cáo có nhân thân xấu, nay lại tiếp tục phạm tội, điều đó chứng tỏ bị cáo không ăn năn hối cải, coi thường pháp luật; nên cần xử phạt bị cáo bằng hình phạt nghiêm minh, bắt cách ly khỏi xã hội một thời gian, mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trịnh Đình Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đ đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Do đó xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng xã hội.

[6] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy: cần thiết phải xử phạt bị cáo Trịnh Đình Đ bằng hình phạt tù như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp. Thời gian bị cáo bị tạm giữ,

tạm giam được tính vào thời gian chấp hành hình phạt. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Đ là đối tượng nghiện ma túy, không có tài sản, không có nghề nghiệp ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về vật chứng vụ án:

Toàn bộ bao gói mở niêm phong và 0,238g heroin (mẫu vật còn lại sau giám định) là vật cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy;

- 200.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu giữ của bị cáo Thanh là tiền do phạm tội mà có, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

- 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu NoKia màu đen là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

[9] Về các tình tiết liên quan đến vụ án:

Bị cáo Đ khai nguồn gốc số ma túy bị bắt giữ là Đ mua của một người đàn ông không quen biết ở thị trấn Giắt, huyện T với giá 1000.000 đồng, mục đích để sử dụng và có ai hỏi mua thì bán để kiếm lời. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, nhưng không xác định được họ tên, địa chỉ của người bán ma túy cho Đ, nên không có căn cứ xử lý.

Tài sản thu giữ trong vụ án là 01 xe mô tô hiệu Drem II, biển kiểm soát 36F9-4873 và một điện thoại di động hiệu Sam Sung màu vàng đã qua sử dụng, quá trình điều tra chứng minh các tài sản trên không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu, các chủ sở hữu không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

Đối với Nguyễn Tiến Q và Lê Đình T đã có hành vi mua một gói heroine có trọng lượng 0,011g của Trịnh Đình Đ với giá 100.000 đồng nhằm mục đích để sử dụng, chưa đủ định lượng để xử lý trách nhiệm hình sự, nên cơ quan Công an xử lý hành chính đối với Nguyễn Tiến Q và Lê Đình T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo Trịnh Đình Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; khoản 1 Điều 38; điểm c khoản 1 Điều 47; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ

luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Đình Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trịnh Đình Đ 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/01/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy toàn bộ bao gói niêm phong và 0,238g heroin (là mẫu vật còn lại sau giám định);

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 200.000 đồng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NoKia màu sơn đen đã qua sử dụng.

Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/5/2019

3. Về án phí: Bị cáo Trịnh Đình Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trịnh Đình Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Hiền